**Use Case “Pay Order”**

**1. Mã use case**

UC001

**2. Giới thiệu**

Use case mô tả sự tương tác giữa AIMS software với khách hàng và ngân hàng khi người dùng thực hiện thanh toán.

**3. Tác nhân**

**3.1 Khách hàng**

**3.2 Ngân hàng**

**4. Tiền điều kiện**

AIMS software đã tính toán tổng chi phí mà khách hàng phải trả.

**5. Luồng sự kiện chính (Thành công)**

1. AIMS software hiển thị giao diện thanh toán

2. Khách hàng điền thông tin và xác nhận.

3. AIMS software yêu cầu ngân hàng xử lí giao dịch

4. Ngân hàng xử lí giao dịch

5. AIMS software lưu lại thông tin thanh toán.

**6. Luồng sự kiện thay thế**

**Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case “Pay order”**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vị trí** | **Điều kiện** | **Hành động** | **Vị trí tiếp tục** |
| 1 | Tại bước 5 | Thông tin thẻ của khách hàng không hợp lệ. | * Hệ thống thông báo thông tin thẻ của khách hàng không hợp lệ | Tiếp tục tại bước 1. |
| 2 | Tại bước 5 | Số dư tài khoản không đủ thanh toán. | * Hệ thống thông báo số dư không đủ | Tiếp tục tại bước 1. |

**7. Dữ liệu đầu vào**

**Bảng 2-Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Tên chủ thẻ |  | Có |  | NGUYEN QUOC TIEN |
| 2 | Số tài khoản |  | Có |  | 123 456 789 |
| 3 | Mã bảo mật (OTP) |  | Có | Mã nhập vào khớp với mã OTP xác thực | 678934 |

**8. Dữ liệu đầu ra**

Không

**9. Hậu điều kiện**

Không